

Laodicea - Số Ba

Các quy tắc là gì?

Jeff Pippenger

2023-08-30

"Chúng ta cần tự mình biết điều gì tạo nên Cơ Đốc giáo, đâu là lẽ thật, đức tin mà chúng ta đã tiếp nhận là gì, các luật lệ của Kinh Thánh là gì—những luật lệ được ban cho chúng ta từ thẩm quyền tối cao." *The 1888 Materials*, 403.

Trong nhiều năm qua, *Future for America* đã xác định rằng bảy hội thánh trong sách Khải Huyền không chỉ đại diện cho lịch sử của Israel hiện đại từ thời các sứ đồ cho đến tận thế, mà bảy hội thánh ấy còn đại diện cho Israel cổ đại từ thời Môi-se cho đến khi Ê-tiên bị ném đá. Các nhà tiên phong Phục Lâm không dạy lẽ thật này, nhưng họ hiểu và vận dụng những nguyên tắc thiết lập lẽ thật ấy. Chúa Giê-su bày tỏ kết cục ngay từ ban đầu, và Israel cổ đại đại diện cho Israel hiện đại. Vì vậy, bất cứ lẽ thật nào thuộc về các đặc điểm tiên tri của Israel hiện đại cũng đã tồn tại trong Israel cổ đại.

Trước thời kỳ Millerite, quan điểm truyền thống của Cơ Đốc giáo về bảy hội thánh cho rằng chúng đại diện cho các hội thánh có thật ở Tiểu Á vào thời sứ đồ Giăng. Quan điểm truyền thống cũng hiểu rằng những lời khuyên dành cho từng hội thánh có thể được hiểu là những lời khuyên cụ thể cho nhiều hội thánh xuyên suốt lịch sử Cơ Đốc giáo, và rằng những lời khuyên dạy và cảnh báo ấy cũng dành cho từng tín hữu. Họ cũng hiểu rằng bảy hội thánh tượng trưng cho bảy thời kỳ lịch sử của Hội Thánh từ thời các môn đồ cho đến tận cùng thế gian. Những quan điểm này có trước lịch sử của phong trào Millerite. Bốn sự nhìn nhận về bảy hội thánh cấu thành quan điểm truyền thống có trước William Miller đã và vẫn dựa trên cách giải nghĩa Kinh Thánh theo "historicism". Chính phương pháp đó là điều các thiên sứ của Đức Chúa Trời đã hướng dẫn William Miller áp dụng.

Bảy Hội thánh ở Châu Á là một lịch sử của Hội thánh Đấng Christ trong bảy diện mạo của mình, qua mọi khúc quanh uốn lượn, mọi thịnh suy, từ thời các sứ đồ cho đến tận cùng thế gian. Bảy ấn là một lịch sử về những diễn biến của các quyền lực và các vua chúa trên đất đối với Hội thánh, và về sự bảo vệ của Đức Chúa Trời dành cho dân Ngài trong cùng thời kỳ ấy. Bảy kèn là một lịch sử về bảy sự phán xét đặc biệt và nặng nề giáng xuống đất, tức vương quốc La Mã. Và bảy chén là bảy tai họa sau cùng giáng trên La Mã Giáo hoàng. Đan xen với những điều ấy còn có nhiều biến cố khác, được dệt vào như những phụ lưu, làm nên con sông lớn của lời tiên tri, cho đến khi tất cả đưa chúng ta vào đại dương của cõi vĩnh hằng.

"Đối với tôi, đây là bố cục của lời tiên tri của Giăng trong sách Khải Huyền. Và ai muốn hiểu cuốn sách này thì phải có sự hiểu biết tường tận về các phần khác của lời Đức Chúa Trời. Những biểu tượng và ẩn dụ được dùng trong lời tiên tri này không phải tất cả đều được giải thích ngay trong đó, mà phải được tìm thấy nơi các tiên tri khác và được giải thích trong những đoạn Kinh Thánh khác. Vì vậy, rõ ràng là Đức Chúa Trời đã sắp đặt việc nghiên cứu toàn bộ để có được sự hiểu biết rõ ràng về bất kỳ phần nào." William Miller, *Các Bài giảng của Miller*, tập 2, bài giảng 12, 178.

Bà White đồng ý và ủng hộ quan điểm “lịch sử luận” mà Miller giữ, nhưng bà đã bổ sung một cái nhìn sâu sắc hơn về sách Khải Huyền so với điều Miller thấy, vì Miller đã không nhận ra đền thánh đúng như nó vốn có. Ông hiểu đền thánh là trái đất. Bà White nhận ra rằng khi Chúa Giê-su trình bày những lời tiên tri được mô tả trong sách Khải Huyền, thì Đấng Christ đã làm như vậy kết hợp với chức vụ Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm trên trời của Ngài.

Khi Giảng quay lại và thấy Đấng Christ, Ngài đang đi giữa các chân đèn trong trang phục thầy tế lễ, và các chân đèn đặt trong Nơi Thánh; vì thế, đó là trong giai đoạn lịch sử sau khi Ngài thăng thiên, nhưng trước khi Ngài bước vào Nơi Chí Thánh vào năm 1844. Miller đã không thể hiểu được ý nghĩa của thực tế này. Tyndale, Luther hay John Wycliffe, hoặc bất kỳ nhà cải cách thời kỳ đầu nào, cũng vậy. Lễ thật tiến triển, chiếu sáng ngày càng rực rỡ cho đến ngày trọn vẹn.

Nguyên tắc vĩ đại mà Robinson và Roger Williams đã bênh vực một cách cao thượng, rằng chân lý có tính tiến triển, rằng Cơ Đốc nhân phải sẵn sàng tiếp nhận mọi ánh sáng có thể chiếu rọi từ Lời thánh của Đức Chúa Trời, đã bị con cháu họ lãng quên. Các Hội thánh Tin Lành ở châu Mỹ—cũng như ở châu Âu—được ưu đãi lớn lao khi nhận lãnh những phước lành của cuộc Cải Chánh, nhưng đã không tiếp tục tiến bước trên con đường cải chánh. Dù đôi khi có vài người trung tín đứng lên công bố lẽ thật mới và phơi bày những sai lầm được áp ủ từ lâu, đa số, giống như người Do Thái thời Đấng Christ hay những người theo Giáo hoàng thời Luther, đã bằng lòng tin như cha ông họ đã tin và sống như họ đã sống. Bởi vậy tôn giáo lại thoái hóa thành hình thức; và những sai lầm cùng mê tín, vốn đã bị loại bỏ nếu Hội thánh cứ tiếp tục bước đi trong ánh sáng Lời Đức Chúa Trời, thì lại được giữ lại và nuôi dưỡng. Như thế, tinh thần do cuộc Cải Chánh khơi dậy dần dần tàn lụi, cho đến mức các Hội thánh Tin Lành gần như cũng cần đến sự cải chánh chẳng kém gì Giáo hội La Mã vào thời Luther. Cũng có cùng một sự thể tục hóa và u mê thuộc linh, một sự tôn kính tương tự đối với ý kiến loài người, và việc lấy các lý thuyết của con người thay cho sự dạy dỗ của Lời Đức Chúa Trời. Đại Tranh Chiến, 297.

Nếu không nhìn nhận thực tế rằng chân lý được khai mở dần dần qua dòng lịch sử, thì rất có thể người ta sẽ không thể nhận ra ý nghĩa của bất kỳ sự soi sáng mới nào trong thế hệ cuối cùng này. Khi một người không còn hiểu bản chất tiệm tiến của “chân lý” nữa, họ sẽ tự động bắt đầu dựa vào truyền thống, phong tục và sự dẫn dắt của con người sa ngã.

Phương pháp luận mà Miller đã sử dụng là một dấu mốc xuyên suốt toàn bộ dòng tiên tri, trình bày lời chứng về quá trình phát triển của lễ thật Kinh Thánh khởi đi từ các sứ đồ. Tuy nhiên, nơi dấu mốc do Miller đại diện, chúng ta thấy một khởi đầu đòi hỏi phải có một mốc tương ứng ở phần kết. Đa số chẳng bao giờ hiểu những thực tại này, nhưng Sa-tan thì không như vậy.

Satan đã chống đối chân lý và sự phát triển của nó từ cuộc nổi loạn của hắn trên trời trở đi. Khi lịch sử tiến đến thời điểm các nhà Cải chánh bắt đầu hiểu rõ cách nghiên cứu Kinh Thánh, Satan đã làm như hắn vẫn luôn làm: đưa vào những điều giả mạo. Bằng chứng lịch sử về việc hắn ngụy tạo chân lý cho thấy các tu sĩ Dòng Tên như Ribera và Louis de Alcazar đã tập trung phương pháp ngụy tạo của họ nhằm trực tiếp vào sách Khải Huyền. Phương pháp sai lệch được gọi là "preterism" khởi đầu vào các thế kỷ thứ hai và thứ ba với hai đại diện chính của phương pháp sai lạc đó. Một là Eusebius thành Caesarea (260–339), và Victorinus thành Pettau (mất khoảng năm 304). Cả hai

nhân vật lịch sử thời kỳ đầu này đều cổ xúy phương pháp cho rằng sách Khải Huyền đã được ứng nghiệm trong thời Đế quốc La Mã, bởi những nhân vật lịch sử như hoàng đế khét tiếng Nero.

Vào thế kỷ XIX, John Darby (1800–1882) từ Vương quốc Anh đã giới thiệu một phương pháp luận của Sa-tan khác, phương pháp này cũng được đưa vào các chú thích chân trang của cuốn Kinh Thánh “ngựa thành Troia” gọi là Scofield Reference Bible mà trước đó chúng ta đã xác định. “Dispensationalism” là một khuôn khổ thần học phân chia lịch sử và sự tương tác của Đức Chúa Trời với nhân loại thành những giai đoạn riêng biệt, hay “dispensations”, trong đó Đức Chúa Trời thi hành kế hoạch của Ngài theo những cách khác nhau. Tôi ghi nhận điều này tại đây vì đây là một trong những điều dối trá đã được những tiếng nói từ cùng khu vực nơi Darby đã truyền bá các ý tưởng Sa-tan của mình đưa vào phong trào Future for America. Những ý tưởng của Darby tấn công Future for America đi kèm với triết lý của cái gọi là phong trào “woke” hiện đại, phong trào cổ xúy cho cùng một tình trạng vô chính phủ được thể hiện qua Cách mạng Pháp và cùng một sự dâm loạn được thể hiện qua Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Ngày nay, các nhà thần học của Phục Lâm hiện đại áp dụng một hệ thống mỗ xẻ các chân lý của Kinh Thánh dựa trên một hệ thống giải nghĩa Kinh Thánh hai phần, mà họ dùng để làm suy yếu và phủ nhận cả Kinh Thánh lẫn Thần linh của Lời Tiên Tri. Họ xem người ta hoặc là chuyên gia về các ngôn ngữ Kinh Thánh, hoặc là chuyên gia về lịch sử Kinh Thánh. Vì vậy, các nhà thần học của Phục Lâm ngày nay chi phối tư tưởng của Phục Lâm Laodicea bằng cách giải nghĩa Lời Đức Chúa Trời dựa trên sự hiểu biết về lịch sử của con người sa ngã, hoặc sự hiểu biết về ngôn ngữ của con người sa ngã. Những biểu hiện sai lạc hiện đại này, vốn thường được dùng để tấn công sứ điệp mà bạn đang đọc, sẽ được bàn đến thêm trong các bài viết này khi chúng ta xem xét ý nghĩa biểu tượng của Cách mạng Pháp. Sa-tan vẫn đang hoạt động, và hấn biết thời gian của mình không còn nhiều. Quy tắc cuối cùng trong các quy tắc của Miller, số mười bốn, kết luận bằng đoạn sau.

"Ngành thần học được dạy trong các trường của chúng ta luôn dựa trên một tín điều giáo phái nào đó. Có thể áp dụng điều ấy cho một đầu óc trống rỗng và khắc vào nó thứ tín điều như thế, nhưng rồi nó sẽ luôn kết thúc bằng sự cuồng tín. Một tâm trí tự do sẽ không bao giờ hài lòng với quan điểm của người khác. Nếu tôi là người dạy thần học cho thanh niên, trước hết tôi sẽ tìm hiểu năng lực và tâm trí của họ. Nếu những điều ấy tốt, tôi sẽ cho họ tự mình học Kinh Thánh, và để họ tự do ra đi làm điều ích cho thế gian. Nhưng nếu họ không có trí óc, tôi sẽ đóng khuôn họ theo trí óc của người khác, viết chữ 'cuồng tín' lên trán họ, và sai họ đi như những nô lệ!" William Miller, Các tác phẩm của Miller, tập 1, 24.

Trong giai đoạn ngay sau thời của Sứ đồ Giăng, người nhận khải thị, và trong những ngày của Phong trào Cải chánh, Sa-tan đã tích cực tạo ra những phương pháp luận tiên tri giả dối để gây rối và phá hủy việc phân tích Kinh Thánh chân chính. Điều đôi khi bị bỏ sót trong các dữ kiện lịch sử này là tất cả những phương pháp luận mang tính Sa-tan ấy đều nhắm trực tiếp vào không phải sách nào khác ngoài sách Khải Huyền. Đó là đề tài của từng kẻ cổ xúy sự rối loạn của Sa-tan ấy. Sách Khải Huyền luôn luôn là mục tiêu của Sa-tan. Sa-tan biết chính sách Khải Huyền là điều hấn phải chống phá. Khi chúng ta nhận ra thực tế này, chúng ta có thể nhận ra một thực tại vô hình khác, vốn bị một chân lý quan trọng khác che khuất.

Phương pháp sai lạc của Dòng Tên nhằm ngăn cản việc hiểu một cách rõ ràng rằng giáo hoàng của Giáo hội Rôma là Phản Kitô theo lời tiên tri Kinh Thánh. Mọi nhà cải cách Tin Lành đều đã nhận ra và chỉ rõ lẽ thật này. Vì vậy, khi trong quá khứ lịch sử chính xác về những người như Ribera và Louis de Alcazar được công bố công khai qua lời nói và ấn phẩm, thì lịch sử ấy đã được dùng để chứng minh những nỗ lực của Sa-tan nhằm ngăn trở sự hiểu đúng về "người tội ác". Những lời chứng bằng văn bản hay bằng lời nói vạch rõ mục đích của việc đưa vào các phương pháp mang tính Sa-tan này là đúng trong phạm vi chúng nêu ra, nhưng Sa-tan đã cố gắng che đậy nhiều điều hơn là chỉ những bằng chứng Kinh Thánh cho thấy Phản Kitô chính là giáo hoàng của Rôma.

Có những lẽ thật trong sách Khải Huyền đã bị che đậy bởi sự rối rắm do các hệ thống giải thích Kinh Thánh giả dối tạo ra, những hệ thống vốn lệch khỏi chủ đề về người có con số là sáu, sáu, sáu. Một trong những lẽ thật ấy chắc chắn là lẽ thật được bày tỏ khi bảy Hội Thánh được hiểu trong sự phát triển trọn vẹn nhất. Có những lẽ thật nằm trong bảy Hội Thánh nói trực tiếp đến lịch sử khởi sự vào ngày 11 tháng 9 năm 2001 và kết thúc trong cuộc khủng hoảng luật ngày Chủ Nhật. Sa-tan đã tìm cách giữ cho ánh sáng này bị chôn vùi, và hắn đã bày ra những phương pháp mang tính Sa-tan để che mờ nhiều viên ngọc chân lý nằm trong sách Khải Huyền, không chỉ là việc xác định giáo hoàng La Mã là kẻ chống Đấng Christ.

Trước khi "kẻ vô luật pháp" được bày tỏ vào năm 538, những người như Eusebius và Victorinus đã tấn công sách Khải Huyền nhằm che mờ sự trỗi dậy của quyền lực giáo hoàng. Về sau trong lịch sử, Đấng Christ đã làm trọn lời hứa của Ngài với Thyatira và cho xuất hiện ngôi sao mai của cuộc Cải chánh (Wycliffe), và sau đó Sa-tan đã đẩy lên hai nhân vật lịch sử nổi bật để cổ xúy và tiếp tục công việc ma quỷ của hắn. Cuộc chiến dai dẳng xoay quanh sự phát triển của lẽ thật, đạt đến cao trào khi bí mật của sách Khải Huyền được mở án (ngay trước khi thời kỳ ân điển kết thúc), bao gồm ánh sáng từ bảy hội thánh mà Miller chưa bao giờ nhận biết, Bà White cũng không, nhưng có thể dễ dàng chứng minh rằng cả Miller lẫn Thần Linh của Lời Tiên Tri đều ủng hộ ánh sáng mới, vì ánh sáng mới không bao giờ mâu thuẫn với ánh sáng cũ.

Sự thật là chúng ta có lẽ thật, và chúng ta phải kiên định nắm giữ những lập trường không thể bị lay chuyển; nhưng chúng ta không được nhìn bất kỳ ánh sáng mới nào mà Đức Chúa Trời có thể ban với con mắt nghi ngờ, rồi nói: Thật ra, chúng tôi không thấy mình cần thêm ánh sáng nào ngoài lẽ thật cũ mà bấy lâu nay chúng tôi đã nhận lãnh và đã yên ổn trong đó. Khi chúng ta giữ lấy quan điểm này, lời chứng của Chứng Nhân Chân Thật dành cho chúng ta lời quở trách này: "Và người không biết rằng mình khôn khổ, đáng thương, nghèo khó, mù lòa và trần truồng." Những ai cảm thấy mình giàu có, thêm nhiều của cải và không cần gì cả, thì đang ở trong tình trạng mù lòa đối với tình trạng thật của mình trước mặt Đức Chúa Trời, và họ không biết điều đó. Review and Herald, ngày 7 tháng 8, 1894.

Thước đo chính cho ánh sáng mới là xem nó có mâu thuẫn với chân lý đã được xác lập hay không, và có giữ vững các chân lý nền tảng hay không.

"Khi quyền năng của Đức Chúa Trời làm chứng điều gì là lẽ thật, thì lẽ thật ấy phải đứng vững đời đời như lẽ thật. Không được chấp nhận bất cứ suy đoán nào về sau, trái với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban. Sẽ có người trỗi dậy với những cách giải nghĩa Kinh Thánh mà đối với họ là lẽ thật, nhưng không phải là lẽ thật. Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta lẽ thật cho thời

kỳ này làm nền tảng cho đức tin của chúng ta. Chính Ngài đã dạy chúng ta điều gì là lẽ thật. Sẽ có người này rồi người khác trỗi dậy, với ánh sáng mới mâu thuẫn với ánh sáng mà Đức Chúa Trời đã ban qua sự bày tỏ của Đức Thánh Linh Ngài." Các Sứ điệp Chọn Lọc, quyển 1, 162.

Sa-tan đã coi sách Khải Huyền là mục tiêu tấn công kể từ khi Giăng ghi lại những sứ điệp trong đó. Chúa Giê-xu nói:

Nhưng phước thay cho mắt các ngươi, vì chúng thấy; và cho tai các ngươi, vì chúng nghe. Quả thật, ta nói cùng các ngươi: nhiều tiên tri và người công chính đã ao ước thấy những điều các ngươi thấy mà không thấy được; và nghe những điều các ngươi nghe mà không nghe được. Ma-thi-ơ 13:16, 17.

Phúc lành gắn liền với việc thấy và nghe là phúc lành của việc hiểu sứ điệp trong Sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-su Christ. Khi Giăng đại diện cho những người trong "những ngày sau rốt" là những người thấy và nghe sứ điệp ấy, ông sắp mình xuống thờ lạy thiên sứ Gáp-ri-ên, nhưng thiên sứ lập tức bảo ông đừng làm vậy.

Và tôi, Giăng, đã thấy và đã nghe những điều ấy. Khi đã nghe và thấy, tôi sắp mình xuống để thờ lạy trước chân thiên sứ đã tỏ cho tôi những điều ấy. Bấy giờ người nói với tôi: Chớ làm như vậy! Vì ta là bạn đồng tôi tớ với ngươi, với các anh em ngươi là các nhà tiên tri, và với những kẻ giữ những lời của sách này; hãy thờ phượng Đức Chúa Trời. Khải Huyền 22:8, 9.

Gabriel và John đều là những thụ tạo, chỉ được thờ phượng Đấng Tạo Hóa. Nhiều nhà tiên tri và những người công chính, kể cả các thiên sứ, đã ao ước được "thấy" và "nghe" sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm khi sứ điệp ấy được lặp lại vào lúc tận thế.

Đấng Christ phán: "Phước cho mắt của anh em, vì chúng thấy; và tai của anh em, vì chúng nghe. Vì quả thật, ta nói với anh em: nhiều đấng tiên tri và người công chính đã ao ước được thấy những điều anh em thấy mà không được thấy; và được nghe những điều anh em nghe mà không được nghe" [Ma-thi-ơ 13:16, 17]. Phước thay cho những đôi mắt đã chứng kiến những điều xảy ra vào các năm 1843 và 1844.

"Sứ điệp đã được ban ra. Và không được chậm trễ trong việc nhắc lại sứ điệp, vì các dấu chỉ của thời cuộc đang ứng nghiệm; công cuộc kết thúc phải được hoàn tất. Một công việc lớn sẽ được thực hiện trong một thời gian ngắn. Một sứ điệp sẽ sớm được ban theo sự chỉ định của Đức Chúa Trời và sẽ dâng lên thành tiếng kêu lớn. Bấy giờ Đa-ni-ên sẽ đứng nơi phần của mình để làm chứng." Bản Thảo Được Công Bố, tập 21, trang 437.

Điều mà những người công chính (Giăng) và các đồng tôi tớ của họ (các thiên sứ) đã ao ước được thấy là sự ứng nghiệm cuối cùng của Tiếng Kêu Nửa Đêm vào hồi kết của phong trào Cơ Đốc Phục Lâm, khi trái đất sẽ được soi sáng bởi vinh quang của Đức Chúa Trời. Sự bày tỏ quyền năng cuối cùng ấy trong mưa muện được mang lại bởi việc mở ấn sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-xu Christ.

Về sự cứu rỗi ấy, các đấng tiên tri, những người đã nói tiên tri về ân điển sẽ đến với anh em, đã tra xét và tìm tòi siêng năng; họ tìm hiểu xem là thời kỳ nào, hoặc thuộc loại thời kỳ nào, mà Thánh Linh của Đấng Christ ở trong họ đã chỉ ra, khi Ngài làm chứng trước về các nỗi thương

khó của Đấng Christ và vinh quang sẽ theo sau. Điều ấy đã được tỏ ra cho họ rằng, không phải cho chính mình họ, nhưng cho chúng ta mà họ phục vụ những điều hiện nay đã được rao báo cho anh em bởi những người đã giảng Tin Lành cho anh em trong Đức Thánh Linh từ trời sai xuống—những điều mà các thiên sứ cũng ước ao xem xét. Vì vậy, hãy thất lung tâm trí mình, hãy tiết độ, và đặt trọn hy vọng nơi ân điển sẽ được ban cho anh em khi Đức Chúa Giê-xu Christ được tỏ ra. 1 Phi-e-rơ 1:10-13.

Các đấng tiên tri, những người công chính và các thiên sứ đã ao ước được sống vào thời điểm khi “ân điển”, tức quyền năng của Đức Chúa Trời, được tuôn đổ trong sự ứng nghiệm cuối cùng của “Tiếng Kêu Nửa Đêm”. Ân điển ấy, tức quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời, được đem đến cho loài người khi sách Khải Huyền của Đức Chúa Giê-xu Christ được mở án. Sa-tan biết rằng con đường để truyền đạt quyền năng sáng tạo của Đức Chúa Trời đến dân Ngài được thực hiện qua sứ điệp được mở án trong sách Khải Huyền; vì thế, nó đã dốc hết nỗ lực tối thượng để làm rối loạn, đàn áp và che đậy ánh sáng chứa đựng trong sách Khải Huyền. Ánh sáng ấy không chỉ đơn thuần là việc nhận diện “người tội ác”, vì lẽ thật ấy đã được tất cả các nhà cải chánh Tin Lành ghi lại đầy đủ từ nhiều thế kỷ trước.

Tôi ở trong Thánh Linh vào ngày của Chúa, và nghe đằng sau tôi một tiếng lớn như tiếng kèn, phán rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga, Đấng đầu tiên và Đấng cuối cùng; và: Điều ngươi thấy, hãy chép vào một sách, rồi gửi cho bảy hội thánh ở A-si-a: Ê-phê-sô, Si-miéc-nơ, Bết-gam, Thi-a-ti-ra, Sạt-đi, Phi-la-đen-phi, và La-ô-đi-xê. Tôi quay lại để xem tiếng đã nói với tôi; và khi quay lại, tôi thấy bảy chân đèn bằng vàng; và ở giữa bảy chân đèn có một Đấng giống như Con Người, mặc áo dài tới chân, và thắt ngang ngực một đai vàng. Đầu và tóc Ngài trắng như lông chiên, trắng như tuyết; mắt Ngài như ngọn lửa; chân Ngài như đồng bóng, dường như đã luyện trong lò; và tiếng Ngài như tiếng nhiều dòng nước. Ngài cầm trong tay hữu bảy ngôi sao; từ miệng Ngài có ra một gươm hai lưỡi sắc bén; và mặt Ngài chói như mặt trời chói lọi. Khi tôi thấy Ngài, tôi ngã xuống chân Ngài như chết. Ngài đặt tay hữu trên tôi và phán: Đừng sợ; Ta là Đầu Tiên và Cuối Cùng; Ta là Đấng sống; Ta đã chết, và kìa, Ta sống đời đời, A-men; và Ta có các chìa khóa của Âm phủ và của sự chết. Hãy chép những điều ngươi đã thấy, những điều hiện có, và những điều sẽ xảy đến sau này. Khải Huyền 1:10-19.

Trong khi phái Cơ Đốc Phục Lâm giữ vững phương pháp “lich sử luận”, họ nhận ra rằng tất cả các hội thánh trong Khải Huyền chương hai và ba đều được lặp lại trong hội thánh cuối cùng. Thật không may, vào cuối thế kỷ mười chín, Sa-tan đã làm mờ mắt phái Cơ Đốc Phục Lâm đối với phương pháp thánh này, đối với việc bảo vệ nó và thực hành nó như một phần thiết yếu trong trách nhiệm của họ với tư cách là “những người lưu giữ các lẽ thật vĩ đại của lời tiên tri.” Ngay cả khi phương pháp ấy đang bị gạt sang một bên trong phái Cơ Đốc Phục Lâm, vẫn có những người áp dụng phương pháp thánh này. Chúng tôi sử dụng cuốn sách Story of the Seer of Patmos như một bằng chứng cho thực tế rằng việc áp dụng tất cả các hội thánh cho lịch sử của Lao-đi-xê là một sự áp dụng lời tiên tri hợp lệ. Sau đây là những trích đoạn từ cuốn sách đó làm rõ điểm tôi đang nói đến.

"Nên nhớ rằng, cũng như kinh nghiệm của Ê-phê-sô, Smirna và Bết-gam sẽ được lặp lại trong hội thánh cuối cùng trước khi Đấng Christ tái lâm, thì lịch sử của Thi-a-ti-ra cũng sẽ có phần tương ứng trong thế hệ cuối cùng." Stephen N. Haskell, Story of the Seer of Patmos, 69.

Haskell chỉ ra một cách chính xác rằng kinh nghiệm của bốn hội thánh đầu tiên được lặp lại, hoặc như ông nói, "sẽ có phần tương ứng trong thể hệ cuối cùng."

"Ông đã áp dụng phép thử, nhưng tất cả đều chỉ về năm 1843 như thời điểm khi thế giới phải chào đón Đấng Cứu Thế của mình. Tình trạng của dân chúng vào lần giáng lâm thứ nhất của Đấng Christ nay lại tái diễn." Stephen N. Haskell, Câu chuyện về nhà tiên kiến ở Patmos, 75.

Haskell đã nói về việc William Miller xác định năm 1843 là sự tái lâm của Đấng Christ, và chỉ ra rằng các điều kiện của lần giáng lâm thứ nhất đã được lặp lại vào thời của những người Millerite. Haskell đã đúng, và Bà White xác nhận rằng chính Miller được tượng trưng bởi Giăng Báp-tít.

"Như Giăng Báp-tít đã loan báo lần giáng lâm thứ nhất của Chúa Giê-su và dọn đường cho Ngài đến, thì William Miller và những người cùng hiệp với ông đã loan báo sự tái lâm của Con Đức Chúa Trời." Early Writings, 229.

Haskell thậm chí còn chỉ ra rằng trong giai đoạn lịch sử của Pergamos (hội thánh thứ ba, đại diện cho sự thỏa hiệp của Cơ Đốc giáo với việc thờ hình tượng), lịch sử của Sardis, hội thánh thứ năm, đã tái diễn.

"Đã có một thời trong lịch sử của Pergamos, khi Kitô giáo tưởng rằng Ngoại giáo đã chết; nhưng thực ra, tôn giáo tưởng như đã bị khuất phục ấy lại đã chiến thắng. Ngoại giáo được rửa tội, bước vào Giáo hội. Trong những ngày của Sardis, lịch sử này đã tái diễn." Stephen N. Haskell, Câu chuyện về nhà tiên tri ở Patmos, 75, 76.

Sardis là hội thánh của cuộc Cải chánh, đã thức tỉnh và đứng lên phản đối những nguy hiểm mang tính Sa-tan của chế độ giáo hoàng; nhưng trước khi công việc của họ hoàn tất, họ đã bắt đầu quay trở lại Rôma. Họ nghĩ, như hội thánh Pergamos đã nghĩ, rằng chủ nghĩa giáo hoàng đã chết, nhưng thực ra nó vẫn còn sống. Haskell cũng nhận định rằng "những tia sáng tích lũy của mọi thời đại đã qua" đang chiếu rọi trên hội thánh còn sót lại.

"Những tia sáng hội tụ từ mọi thời đại đã qua chiếu rọi trên hội thánh cuối cùng—hội thánh còn sót lại." Stephen N. Haskell, Câu chuyện về nhà tiên tri ở Patmos, 69.

Tôi không cho rằng Haskell nhận ra rằng lịch sử tiến triển được biểu trưng bởi bảy hội thánh cũng đã được ứng nghiệm trong lịch sử của Israel cổ đại, nhưng ông chắc chắn khẳng định chân lý đó khi ông viết rằng "những tia sáng tích lũy của mọi thời đại đã qua" "chiếu rọi" trên "hội thánh sau rốt." Israel cổ đại được bao gồm trong "những tia sáng của" "các thời đại đã qua." Và dù ông giữ vững các nguyên tắc cần thiết để nhận ra tính biểu tượng của bảy hội thánh trong lịch sử của Israel cổ đại, tôi không chắc ông đã nhận ra sâu sắc đến mức nào những sự tương đồng được thể hiện trong các biểu tượng ấy. Tôi cũng chắc rằng ông đã không nhận ra một khía cạnh còn quan trọng hơn của các lịch sử được bảy hội thánh đại diện, một khía cạnh mà chúng ta đang hướng tới.

Chúng tôi sẽ đề cập đến sự thật này trong bài viết tiếp theo.